

Số: 187/TCT- TNCN
V/v hướng dẫn quyết toán thuế
thu nhập cá nhân năm 2012.

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2013

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc thực hiện quyết toán thuế Thu nhập cá nhân đã được quy định tại Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính, Thông tư số 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 của Bộ Tài chính, Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ, Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính, Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Để đảm bảo thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật, Tổng cục Thuế lưu ý một số điểm về quyết toán thuế Thu nhập cá nhân năm 2012 như sau:

I. Về đối tượng khai quyết toán thuế:

1. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải khấu trừ thuế không phân biệt có phát sinh khấu trừ hay không khấu trừ thuế.

2. Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân nếu:

- Có số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã khấu trừ hoặc tạm nộp;
- Có yêu cầu hoàn số thuế nộp thừa hoặc bù trừ vào kỳ sau.

3. Cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế Thu nhập cá nhân theo thuế suất 20% tính trên thu nhập tính thuế với cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế trong các trường hợp:

- Số thuế phải nộp tính theo thuế suất 10% (đã được giảm 50%) lớn hơn tổng số thuế đã tạm khấu trừ theo thuế suất 0,05% (đã được giảm 50%) trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

- Có yêu cầu hoàn số thuế nộp thừa hoặc bù trừ vào kỳ sau.

4. Cá nhân cư trú là người nước ngoài khi kết thúc làm việc tại Việt Nam trước khi xuất cảnh.

Trường hợp cá nhân là người nước ngoài kết thúc làm việc tại Việt Nam, đã thực hiện quyết toán thuế trước 31/12, sau đó cá nhân quay lại Việt Nam và làm việc đến hết năm đó thì cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế với thu nhập chịu thuế từ ngày 1/1 đến ngày 31/12.

Ví dụ 1. Ông X bắt đầu vào Việt Nam làm việc từ 5/2/2012 và kết thúc làm việc tại Việt Nam vào ngày 31/8/2012. Do từ ngày 5/2/2012 đến ngày xuất cảnh ông X ở Việt Nam trên 183 ngày nên trước khi xuất cảnh ông X đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân với thu nhập chịu thuế từ ngày 1/1/2012 đến hết ngày 31/8/2012. Sau đó ngày 15/9/2012 ông X quay lại Việt Nam làm việc đến hết năm 2012 thì ông X thực hiện quyết toán thuế với thu nhập chịu thuế từ ngày 1/1/2012 đến hết ngày 31/12/2012.

II. Về việc uỷ quyền quyết toán thuế:

1. Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng dài hạn (trên 3 tháng) duy nhất tại một nơi trong năm dương lịch nếu có yêu cầu thực hiện quyết toán thì có thể uỷ quyền quyết toán thuế cho cơ quan trả thu nhập quyết toán thay, kể cả trường hợp cá nhân làm việc chưa đủ 12 tháng trong năm nhưng có thu nhập duy nhất tại một nơi.

2. Cá nhân đã được tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thu hồi và huỷ chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân); cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng; cá nhân ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đã khấu trừ 10% hoặc 20% (kể cả trường hợp có thu nhập duy nhất tại một nơi) nếu có yêu cầu quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì tự quyết toán, không uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay.

Ví dụ 2. Ông A là cá nhân có mã số thuế trong năm 2012 ký hợp đồng dịch vụ với Công ty X và công ty X đã khấu trừ 10% trên thu nhập của ông A. Năm 2012 ông A chỉ có thu nhập tại Công ty X thì cuối năm ông A nếu có yêu cầu quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì tự quyết toán thuế, không uỷ quyền cho Công ty X quyết toán thay.

III. Xác định thu nhập chịu thuế

1. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1.1. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao và các khoản thu nhập khác theo hướng dẫn tại Khoản 2, Mục II, Phần A Thông tư số 84/2008/TT-BTC; Điều 1 Thông tư số 62/2009/TT-BTC; Điều 1 Thông tư số 02/2010/TT-BTC mà người nộp thuế nhận được trong năm 2012.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân.

Ví dụ 3. Trường hợp tiền lương, tiền công phát sinh trước tháng 12/2012, tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế vào tháng 1/2013 thì tính vào thu nhập chịu thuế của năm 2013 để quyết toán thuế trong năm 2013

1.2. Trường hợp cá nhân nhận thu nhập sau thuế (thu nhập NET) thì việc xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1578/TCT-TNCN ngày 28/4/2009 và công văn số 3565/TCT-TNCN ngày 14/9/2010 của Tổng cục Thuế

2. Đối với thu nhập chuyển nhượng chứng khoán

Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán là tổng thu nhập chịu thuế của các mã chứng khoán chuyển nhượng trong năm.

Thu nhập chịu thuế từng mã chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua và các chi phí liên quan đến chuyển nhượng.

Giá mua của từng mã chứng khoán được xác định như sau:

$$\text{Giá mua của chứng khoán bán ra} = \frac{\text{Giá vốn đầu kỳ} + \text{giá vốn trong kỳ}}{\text{Số lượng chứng khoán tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng mua trong kỳ}} \times \text{Số lượng bán ra}$$

$$\text{Giá vốn trong kỳ} = \text{Giá mua} + \text{Chi phí mua}$$

IV. Giảm trừ gia cảnh

Về đối tượng giảm trừ gia cảnh và các khoản được giảm trừ để xác định thu nhập tính thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục I, Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC; Điều 2, Điều 3 Thông tư số 62/2009/TT-BTC, Điều 4 Thông tư số 02/2010/TT-BTC.

1. Cá nhân được giảm trừ cho người phụ thuộc từ tháng có nghĩa vụ nuôi dưỡng và đã đăng ký giảm trừ gia cảnh. Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân và người phụ thuộc từ tháng 1 đến tháng rời khỏi Việt Nam.

Trường hợp cá nhân trong năm có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng mà đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc muộn hoặc đến khi quyết toán thuế mới đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thì khi khấu trừ thuế hàng tháng được tính giảm trừ gia cảnh từ tháng đăng ký giảm trừ; khi quyết toán thuế được tính giảm trừ cho người phụ thuộc từ tháng có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Ví dụ 4.

- Ông A phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng 1 người con vào tháng 1/2012 nhưng đến tháng 3/2012 ông A mới đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thì từ tháng 3/2012 hàng tháng ông A được tính giảm trừ cho người phụ thuộc khi tạm khấu trừ thuế. Cuối năm khi quyết toán thuế, ông A được tính giảm trừ cho người phụ thuộc từ tháng 1/2012.

- Ông A phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng 1 người con vào tháng 1/2012 nhưng không đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc thì hàng tháng ông A không được tính giảm trừ cho người phụ thuộc khi tạm khấu trừ thuế. Cuối năm khi quyết toán thuế, ông A đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc từ tháng 1/2012.

2. Đối với trường hợp cá nhân chuyển nơi làm việc thì khi nộp đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc cho đơn vị làm việc mới, cá nhân nộp cho đơn vị làm việc mới bản chụp (photo) hồ sơ chứng minh người phụ thuộc có xác nhận của đơn vị làm việc trước đó.

V. Xác định số thuế phải nộp

1. Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh

$$\text{Số thuế phải nộp cả năm} = \frac{\text{Thu nhập tính thuế bình quân tháng}}{\text{Thuế suất theo biểu thuế lũy tiến từng phần tháng}} \times 12 \text{ tháng}$$

2. Đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh bình quân tháng đến mức phải chịu thuế Thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần (nhỏ hơn hoặc bằng 5 triệu đồng/tháng) thì được miễn thuế 6 tháng cuối năm 2012.

$$\text{Số thuế được miễn} = \frac{\text{Thuế phải nộp năm 2012} \times 6 \text{ tháng}}{12 \text{ tháng}}$$

Cá nhân kê khai số thuế Thu nhập cá nhân sau khi đã trừ số thuế được miễn vào chỉ tiêu số [32] (Số thuế phát sinh trong kỳ) của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC.

Ví dụ 5: Ông A có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công năm 2012 là 166,2 triệu đồng.

Năm 2012 ông A có các khoản giảm trừ như sau:

- Giảm trừ cho bản thân 48 triệu đồng (4 triệu đồng x 12 tháng)

- Giảm trừ cho một người phụ thuộc 19,2 triệu đồng (1,6 triệu đồng x 12 tháng)

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế 3 triệu đồng.

Thu nhập tính thuế của ông A trong năm 2012 là: 166,2 triệu đồng – (48 triệu đồng + 19,2 triệu đồng + 3 triệu đồng) = 96 triệu đồng.

Thu nhập tính thuế bình quân tháng = 96 triệu đồng : 12 tháng = 8 triệu đồng/tháng

Thuế bình quân 1 tháng phải nộp = (5 triệu đồng x 5%) + (3 triệu đồng x 10%) = 0,55 triệu đồng

Thuế cả năm = 0,55 triệu đồng x 12 tháng = 6,6 triệu đồng

Ví dụ 6: Thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công của ông B trong năm 2012 là 36 triệu đồng.

- Thu nhập tính thuế bình quân tháng của ông B là: 36 triệu đồng : 12 tháng = 3 triệu đồng.

- Số thuế TNCN phải nộp = (3 triệu đồng x 5%) x 12 tháng = 1,8 triệu đồng

- Thuế TNCN được miễn = $\frac{1,8 \text{ triệu đồng}}{12 \text{ tháng}} \times 6 \text{ tháng} = 0,9 \text{ triệu đồng}$

- Thuế TNCN phải nộp sau khi trừ tiền thuế được miễn = 1,8 triệu đồng - 0,9 triệu đồng = 0,9 triệu đồng.

3. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Số thuế TNCN phải nộp cả năm = Thu nhập tính thuế x 20%

- Số thuế TNCN được giảm = Thuế TNCN phải nộp cả năm x 50%

- Số thuế TNCN còn phải nộp hoặc nộp thừa sau khi giảm = Số thuế TNCN phải nộp cả năm - Số thuế TNCN được giảm - Thuế TNCN đã khấu trừ

Cá nhân kê khai số thuế Thu nhập cá nhân sau khi đã trừ số thuế được giảm vào chỉ tiêu số [26] (Số thuế phải nộp trong kỳ) của Tờ khai quyết toán

thuế thu nhập cá nhân mẫu số 13/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC.

VI. Thủ tục khai quyết toán thuế TNCN

1. Về khai quyết toán thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

1.1. Hồ sơ khai quyết toán:

Thực hiện theo qui định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 14 Thông tư số 28/2011/TT-BTC và lưu ý:

- Đối với tổ chức cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công bổ sung thêm Phụ lục miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 27/MT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (nếu có).

- Đối với tổ chức cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán bổ sung thêm Phụ lục miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 25/MGT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính.

1.2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán: Thực hiện theo qui định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 14 Thông tư số 28/2011/TT-BTC.

1.3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày 1/4/2013.

2. Khai quyết toán thuế đối với cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh nộp thuế theo kê khai.

2.1. Đối với cá nhân kinh doanh

2.1.1. Hồ sơ quyết toán thuế với cá nhân kinh doanh:

Thực hiện theo qui định tại Điểm a.2, Khoản 5, Điều 14 Thông tư số 28/2011/TT-BTC và bổ sung thêm Phụ lục miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 26/MT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (nếu có).

2.1.2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán: Chi cục Thuế trực tiếp quản lý.

a. Trường hợp cá nhân kinh doanh ở nhiều nơi thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Chi cục Thuế nơi cá nhân kinh doanh đăng ký giảm trừ gia cảnh cho bản thân.

b. Trường hợp cá nhân làm đại lý bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp có đăng ký kinh doanh thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Chi cục Thuế nơi cá nhân kinh doanh.

c. Trường hợp cá nhân làm đại lý bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp mà không đăng ký kinh doanh thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

2.1.3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán: chậm nhất là ngày 1/4/2013.

2.2. Đối với nhóm cá nhân kinh doanh.

2.2.1. Hồ sơ quyết toán thuế thực hiện theo qui định tại Điểm a.2, Khoản 5, Điều 14 Thông tư số 28/TT-BTC và bổ sung thêm Phụ lục miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 26/MT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (nếu có).

2.2.2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán: Chi cục Thuế trực tiếp quản lý.

2.2.3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán: chậm nhất là ngày 1/4/2013.

3. Khai quyết toán thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

3.1. Hồ sơ khai quyết toán

Thực hiện theo qui định tại Điểm b.2, Khoản 6, Điều 14 Thông tư số 28/TT-BTC và bổ sung thêm Phụ lục miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 26/MT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (nếu có).

3.2. Nơi nộp hồ sơ khai quyết toán:

3.2.1. Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công duy nhất tại một nơi thì uỷ quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo hướng dẫn tại Điểm 3.3 Điều này.

3.2.2. Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên:

+ Cá nhân đã tính giảm trừ cho bản thân tại đơn vị trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý đơn vị trả thu nhập đó. Trường hợp thay đổi đơn vị làm việc trong năm thì nộp hồ sơ tại cơ quan thuế quản lý đơn vị trả thu nhập cuối cùng.

+ Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ cho bản thân ở bất cứ đơn vị trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

3.2.3. Trường hợp cá nhân không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi bị khấu trừ 10% hoặc 20% thì quyết toán thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

3.2.4. Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế hàng tháng thì nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế là Cục Thuế nơi cá nhân đang nộp hồ sơ khai thuế tháng.

Ví dụ 7. Ông A là Trưởng văn phòng đại diện cho một công ty nước ngoài tại Việt Nam và nhận thu nhập từ nước ngoài. Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 21/9/2012 ông A làm việc tại Hà Nội và khai thuế tháng tại Cục Thuế thành phố Hà Nội. Từ 01/10/2012 ông A chuyển đến làm việc tại Bình Dương và khai thuế tháng tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương. Như vậy, nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2012 của ông A là Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

3.2.5. Về việc xác định nơi quyết toán thuế của cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương/tiền công trên hệ thống ứng dụng QLT-TNCN

- Với cá nhân đã quyết toán thuế năm 2011 thì cơ quan thuế sẽ tự động xác định trên hệ thống ứng dụng QLT-TNCN nơi quyết toán thuế của cá nhân năm 2012 là nơi quyết toán thuế năm 2011.

- Với cá nhân không có tờ khai quyết toán năm 2011 hoặc nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2012 khác nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2011: cơ quan thuế kiểm tra nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế của cá nhân, nếu cá nhân đã thực hiện theo đúng hướng dẫn tại điểm 3.2.1, điểm 3.2.2, điểm 3.2.3, điểm 3.2.3, điểm 3.2.4 Khoản này thì khi xử lý tờ khai quyết toán hệ thống QLT-TNCN sẽ tự động chuyển thông tin Cơ quan thuế quyết toán về đúng Cơ quan thuế đã nhận tờ khai quyết toán của người nộp thuế.

3.3. Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong năm 2012 thì uỷ quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Cá nhân uỷ quyền quyết toán thông qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải nộp cho tổ chức trả thu nhập các loại giấy tờ sau:

- Giấy uỷ quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu 04-2/TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC.

- Bản chụp hoá đơn chứng từ chứng minh các khoản giảm trừ như: chứng từ đóng góp từ thiện, nhân đạo khuyến học (nếu có)

3.4. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày 1/4/2013.

4. Khai quyết toán thuế đối với cá nhân vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công, vừa có thu nhập từ kinh doanh.

4.1. Hồ sơ quyết toán:

Thực hiện theo qui định tại Điểm b.1, Khoản 7, Điều 14 Thông tư số 28/TT-BTC và bổ sung thêm Phụ lục miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 26/MT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (nếu có).

4.2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán:

Nơi nộp hồ sơ quyết toán là Chi cục thuế nơi cá nhân kinh doanh theo hướng dẫn tại Điểm 2.1.2 Mục này.

4.3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày 1/4/2013.

5. Khai quyết toán thuế đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

5.1. Hồ sơ quyết toán thuế.

Thực hiện theo qui định tại Điểm b, Khoản 10, Điều 14 Thông tư số 28/TT-BTC và bổ sung thêm Phụ lục miễn giảm thuế số 25/MGT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC.

5.2. Nơi nộp hồ sơ quyết toán: Thực hiện theo qui định tại Điểm c, Khoản 10, Điều 14 Thông tư số 28/2011/TT-BTC

5.3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày 1/4/2013.

VII. Hoàn thuế

Việc hoàn thuế Thu nhập cá nhân được thực hiện theo qui định tại Điều 46 Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

1. Trường hợp cá nhân thực hiện quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế khi có số thuế nộp thừa thì được hoàn thuế, hoặc bù trừ với số thuế của cá nhân trực tiếp kê khai của kỳ khai thuế tiếp theo với cơ quan thuế nơi cá nhân nộp hồ sơ quyết toán.

Ví dụ 8. Năm 2012 ông A có thu nhập từ hai nguồn: tiền lương và từ kinh doanh nên ông A thực hiện quyết toán thuế trực tiếp tại Chi cục Thuế quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội (nơi ông A kinh doanh), có số thuế nộp thừa thì ông A được hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế kê khai quý I năm 2013 (với thu nhập từ kinh doanh) tại Chi cục thuế quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội.

Ví dụ 9. Năm 2012 ông A có thu nhập từ hai nguồn: tiền lương tại công ty X ở Việt Nam và tiền công trả từ nước ngoài nên thực hiện quyết toán thuế trực tiếp tại Cục Thuế thành phố Hà Nội (Cục Thuế quản lý công ty X), có số thuế nộp thừa thì ông A được hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế

kê khai tháng tiếp theo trong năm 2013 (với thu nhập trả từ nước ngoài) tại Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Ví dụ 10. Năm 2012 ông A có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thực hiện quyết toán thuế trực tiếp tại Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, có số thuế nợ thừa thì ông A được hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế nợ thừa với số thuế phải nộp khi trực tiếp khai thuế năm 2013 tại Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp cá nhân trong năm 2012 chưa có mã số thuế, khi quyết toán thuế cá nhân có mã số thuế thì vẫn được hoàn thuế theo quy định.

VIII. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quyết toán thuế Thu nhập cá nhân.

1. Kế hoạch nâng cấp các ứng dụng CNTT quy định tại Thông tư 140/2012/TT-BTC:

1.1. Các ứng dụng thuộc phạm vi nâng cấp: Hỗ trợ kê khai (HTKK), Khai qua mạng (iHTKK), Quyết toán thuế TNCN (QTTTNCN), Quản lý thuế TNCN (QLT-TNCN)

1.2. Nội dung nâng cấp:

1.2.1. Tờ khai 09/KK-TNCN

- Bổ sung thêm Phụ lục 26/MG-TNCN đính kèm Tờ khai. Toàn bộ dữ liệu trên Phụ lục 26/MG-TNCN được hỗ trợ tự động lấy từ Tờ khai 09/KK-TNCN, không cho sửa các chỉ tiêu trên Phụ lục này.

- Khi in Tờ khai 09/KK-TNCN năm 2012 không hỗ trợ in mã vạch trên Phụ lục này (trung tự như các Phụ lục khác kèm Tờ khai), có hỗ trợ kết xuất ra excel.

- Đối với ứng dụng HTKK, QTTTNCN: kết xuất excel 2003; Nhận vào iHTKK công Tổng cục là file excel 2003. Tại trung tâm dữ liệu: Nhận file excel định dạng Office 2003, 2007 vào hệ thống QLT-TNCN qua website.

- Hỗ trợ tính toán các chỉ tiêu trên Tờ khai liên quan đến số thuế miễn giảm theo công thức tại khoản 2, Mục V công văn này, cụ thể:

+ Tờ khai 09/KK-TNCN:

* Chỉ tiêu [32] Số thuế phát sinh trong kỳ:

Nếu chỉ tiêu [31] ≤ 60 triệu đồng thì [32] = [31] / số tháng quyết toán x thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x (số tháng quyết toán - số tháng được miễn).

Nếu chỉ tiêu [31] > 60 triệu đồng thì [32] = [31] / số tháng quyết toán x thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x số tháng quyết toán.

*Chỉ tiêu [37] tổng số thuế được giảm trong kỳ = {[32]x([24]/[22])}x50%.

+ Phụ lục 26/MG-TNCN:

[06]: Số thuế phải nộp trước khi miễn = Chỉ tiêu [31] trên Tờ khai 09/KK-TNCN / số tháng quyết toán x thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x số tháng quyết toán.

[07]: Số thuế được miễn = Chỉ tiêu [31] trên tờ 09/KK-TNCN/số tháng quyết toán x thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x số tháng được miễn.

[08]: Số thuế còn phải nộp sau khi miễn = [06] - [07] = [32] trên Tờ 09/KK-TNCN.

1.2.2. Tờ khai 05/KK-TNCN

- Các ứng dụng HTKK, QTTNCN: Bổ sung thêm Phụ lục 27/MG-TNCN đính kèm Tờ khai. Toàn bộ dữ liệu trên Phụ lục 27/MG-TNCN được hỗ trợ tự động lấy từ dữ liệu cá nhân uỷ quyền quyết toán thay trong bảng kê 05A/BK-TNCN có thu nhập tính thuế ở bậc 1, không cho sửa các chỉ tiêu phụ lục này.

- Khi in Tờ khai 05/KK-TNCN năm 2012 không hỗ trợ in Phụ lục này kèm Tờ khai (tương tự như các phụ lục khác). Khi kết xuất tờ ra file excel thì gồm đầy đủ tờ khai và các phụ lục 05A/BK-TNCN, 05B/BK-TNCN, riêng phụ lục 27/MG-TNCN chỉ hỗ trợ kết xuất và in dữ liệu tổng cộng trong đó có tổng số cá nhân thuộc diện miễn thuế và tổng số thuế TNCN được miễn. Khi kê khai trên ứng dụng hỗ trợ kê khai vẫn hỗ trợ ra dòng chi tiết trên Phụ lục 27/MG-TNCN. Tại trung tâm dữ liệu: Nhận file excel định dạng Office 2003, 2007 vào hệ thống QLT-TNCN qua website.

- Hỗ trợ tính toán các chỉ tiêu trên Tờ khai liên quan đến số thuế được miễn giảm theo công thức tại khoản 2, Mục V công văn này, cụ thể:

+ Tờ khai 05A/KK-TNCN: Chỉ tiêu [19] Số thuế phải nộp.

Nếu [16] ≤ 60 triệu đồng thì [19] = {[16]/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 6} - {[16]/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 6 x ([12]/[11]) x 50%}.

Nếu [16] > 60 triệu đồng thì [19] = {[16]/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 12} - {[16]/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 12 x ([12]/[11]) x 50%}.

+ Phụ lục miễn giảm 27/MGT-TNCN:

[10] thu nhập tính thuế của cá nhân uỷ quyền quyết toán thay thuộc diện miễn thuế = [16] trên bảng kê 05A/BK-TNCN.

[11] số thuế TNCN đã khấu trừ của cá nhân uỷ quyền quyết toán thay thuộc diện miễn thuế = [17] trên bảng kê 05A/BK-TNCN.

[12] số thuế phải nộp trước miễn giảm của cá nhân = {[16] trên bảng kê 05A/KK-TNCN/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 12} - {[16] trên bảng kê 05A/KK-TNCN/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 6 x ([12] trên bảng kê 05A/KK-TNCN/[11] trên bảng kê 05A/KK-TNCN) x 50%}.

[13] số thuế được miễn = [16] trên bảng kê 05A/BK-TNCN/12 x Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 6.

[14] = [12]-[13]= [19] trên tờ khai 05A/KK-TNCN.

2. Hệ thống Quản lý thuế TNCN (QLT-TNCN) đã được triển khai rộng trên phạm vi toàn quốc trong tháng 10/2012. Đây là cơ sở hỗ trợ rất quan trọng và hiệu quả cho các Cơ quan Thuế xử lý dữ liệu quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN năm 2012. Do đó, Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận và truyền dữ liệu tờ khai quyết toán TNCN về CSDL quyết toán thuế TNCN tập trung tại Tổng cục (theo quy trình Tổng cục Thuế đã tập huấn trong năm 2009) để ghi nhận, hạch toán đầy đủ tờ khai vào hệ thống QLT-TNCN làm cơ sở cho việc xử lý, kiểm tra dữ liệu quyết toán thuế thu nhập cá nhân tại Cơ quan thuế.

Tổng cục Thuế đề nghị Cục thuế căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và nội dung hướng dẫn tại văn bản này để triển khai phổ biến, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện tốt việc quyết toán thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐTC (để b/cáo);
- Vụ PC, CST (BTC);
- Các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục;
- Website TCT;
- Lưu: VT, TNCN.105

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



CỤC QUẢN LÝ THUẾ
Cố Anh Tuấn